TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2020.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
2. Ông Nguyễn Văn Chào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 670/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 183, tổ 9, ấp Phú Hưng, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Phan Hồ Thanh N, sinh năm 1986. Địa chỉ: số 448, tổ 13, ấp Bình Minh, xã X, huyện C, tỉnh An Giang.

Chị H, anh N vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày như sau:*

Chị và anh Phan Hồ Thanh N tự nguyện quen nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình với nhau nên chị và anh N quyết định sống ly thân với nhau tính đến nay đã gần 6 năm. Nay, nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh N không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Khi chung sống, chị và anh N có 01 con chung tên Phan Nguyễn Ánh P, sinh ngày 12/8/2011. Hiện cháu P đang sống với chị H, tuy nhiên khi ly hôn, chị đồng ý để cháu P sống với cha theo nguyện vọng của cháu vì chị phải đi làm xa, hơn nữa từ nhỏ cháu P đã quen sống với cha và bên nội, chị H chỉ mới đón cháu về ở chung với mình khoảng 01 năm nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng anh Phan Hồ Thanh N không đến nên không tiến hành hòa giải được, tuy nhiên anh N có văn bản gởi đến Tòa án và trình bày ý kiến như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 đứa con tên Phan Nguyễn Ánh P, sinh ngày 12/8/2011. Tuy nhiên thời gian sau thì vợ chồng thường bất đồng ý kiến, phát sinh mâu thuẫn với nhau, từ đó hai người quyết định sống ly thân khoảng 5 -6 năm nay. Nay, chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc.

Về con chung: Khi ly hôn, nếu cháu P có nguyện vọng sống với anh thì anh đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N thống nhất không có.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Phan Nguyễn Ánh P về việc quyết định sống với cha hay mẹ sau khi chị H, anh N ly hôn với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Hồ Thanh N, bị đơn anh N có nơi cư trú tại ấp Bình Minh, xã X, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng*:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chị H, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thấy rằng: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 quy định *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình"*. Theo quy định trên, nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh N là không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, việc chị H xin ly hôn với anh N, mặc dù anh N cũng đồng ý ly hôn nhưng vẫn không được xem xét là hôn nhân hợp pháp để xem xét giải quyết cho ly hôn mà không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh N theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh N thống nhất có 01 con chung tên Phan Nguyễn Ánh P, sinh ngày 12/8/2011. Hiện cháu P đang sống với chị H. Cháu P có nguyện vọng được sống với anh N. Chị H và anh N cũng thống nhất theo nguyện vọng của cháu P để anh N nuôi dưỡng cháu P, hơn nữa từ nhỏ cháu P cũng đã có thời gian sống chung với anh N, chị P chỉ mới nuôi dưỡng cháu 01 năm nay, chị P cũng trình bày là sắp đi làm xa, không có điều kiện chăm sóc con được nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu P cho anh N nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Do anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H, anh N thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H khởi kiện xin ly hôn với anh N, Tòa án không công nhận chị H và anh N là vợ chồng nên chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0005984 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên chị H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Hồ Thanh N.

- Về con chung: Anh Phan Hồ Thanh N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Ánh P, sinh ngày 12/8/2011 đến khi thành niên và có khả năng lao động được. Chị Nguyễn Thị Thu H phải giao cháu P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không ai được cản trở chị H đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Nguyễn Ánh P.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0005984 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị H không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ của bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. C;
- Chi cục THA DS H. C;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Vũ